TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày 06-4-2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Ngọc Hà

Bà Lê Bích Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Nhật Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 526/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị V; nơi cư trú: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn T; nơi cư trú: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 28 tháng 12 năm 2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 01 năm 1994 tại Ủy ban nhân dân

xã Nam Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, anh T thường xuyên đi công tác xa nhà, có tình cảm với người phụ nữ khác nên không quan tâm đến gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị V và anh Lê Văn T có hai con chung là Lê Tuấn A, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1995 và Lê Tuấn D, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1998. Hiện các con đều đã trưởng thành nên chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị V đề nghị chị và anh Lê Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh Lê Văn T đều vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nên Tòa án không ghi được lời khai của anh T.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, thể hiện quan điểm vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Lê Văn T. Về con chung, chị Nguyễn Thị V và anh Lê Văn T có hai con chung là Lê Tuấn A, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1995 và Lê Tuấn D, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1998. Hiện các con đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về việc chia tài sản, chị V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị V phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị V khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Chị Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị V và anh Lê Văn T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Nguyễn Thị V và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn của chị V và anh T qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập là đúng với thực tế, thể hiện vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án gửi các văn bản tố tụng và triệu tập tới Tòa án nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy anh T không quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng của chị V, không thực sự mong muốn vợ chồng khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục chung sống. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị V theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về việc nuôi con:

[4] Chị Nguyễn Thị V và anh Lê Văn T có hai con chung là Lê Tuấn A, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1995 và Lê Tuấn D, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1998. Hiện các con đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[5] Chị Nguyễn Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về án phí:

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị V và anh Lê Văn T có hai con chung là Lê Tuấn A, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1995 và Lê Tuấn D, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1998. Hiện các con đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về việc chia tài sản: Chị Nguyễn Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006878 ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V và bị đơn anh Lê Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND xã Nam Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình (ĐKKH ngày 12/01/1994);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hảo